

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN I P  
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04/9/2020

*“V/v Yêu cầu không công nhận vợ  
chồng, tranh chấp về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I P, TỈNH G L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Viết Minh Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Kpă Lan
2. Ông Rcom Miu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quân Thu Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I P – G L tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc *“Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị P, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn B H, xã C R, huyện I P, tỉnh G L.

- Bị đơn: ông Đào Mạnh Q, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Thôn B H, xã C R, huyện I P, tỉnh G L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn kiện, bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q tự nguyện yêu thương nhau, qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và về chung sống với nhau như vợ chồng từ 15/8/1992 tại thôn B H, xã C R, huyện I P, tỉnh G L, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng được vài năm sau ông Q thường xuyên uống rượu, la mắng vợ con và không lo làm ăn chăm sóc gia

đình. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải bỏ qua cho nhau để cùng chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không có đăng ký kết hôn nên bà P yêu cầu tòa án tuyên bố bà và ông Q không phải là vợ chồng.

- Về con: Bà P và ông Đào Mạnh Q có 04 con chung là: Đào Linh V, sinh ngày 20/01/1997, Đào Thị Bích P, sinh ngày 28/01/1999, Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004. Vì Đào Linh V và Đào Thị Bích P đã đủ tuổi trưởng thành và có thể tự mình lo cho cuộc sống gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi 02 chung là Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đào Mạnh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và về con chung giữa ông và bà Lê Thị P như bà P trình bày là đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có tiếp tục sống chung cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Nay ông Q nhận thấy không còn tình cảm với bà P nên đồng ý với yêu cầu của bà P là yêu cầu tòa án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng.

Về con: Ông Q và bà Lê Thị P có 04 con chung là: Đào Linh V, sinh ngày 20/01/1997, Đào Thị Bích P, sinh ngày 28/01/1999, Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004. Vì Đào Linh V và Đào Thị Bích P đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý với nguyện vọng của bà P để bà P là người trực tiếp nuôi 02 chung là Đào Đình T và Đào Đình Q. Ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Q đồng ý với quan điểm của bà Lê Thị P là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:*

Vụ án được thụ lý và tiến hành giải quyết theo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có hôn nhân thực tế nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa các đương sự bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q.

- Về con chung: Bà Lê Thị P, bị đơn ông Đào Mạnh Q có 04 con chung là: Đào Linh V, sinh ngày 20/01/1997, Đào Thị Bích P, sinh ngày 28/01/1999, Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004. Vì Đào Linh V và Đào Thị Bích P đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bà Lê Thị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là Đào Đình T và Đào Đình Q và ông Q cũng đồng ý với nguyện vọng của bà Lê Thị P nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị P không yêu cầu ông Đào Mạnh Q cấp dưỡng nuôi con chung, nên ông Đào Mạnh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q tự nguyện yêu thương nhau, qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông bà đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và về chung sống với nhau như vợ chồng từ 15/8/1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do mâu thuẫn nên chị P khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Q và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 14, khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q tự nguyện yêu thương nhau, qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông bà đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và về chung sống với nhau như vợ chồng từ 15/8/1992 tại thôn B H, xã C R, huyện I P, tỉnh G L, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng được vài năm sau ông Q thường xuyên uống rượu, la mắng vợ con và không lo làm ăn chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải bỏ qua cho nhau để cùng chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà P và ông Q đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và có yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q là không hợp pháp. Do đó, cần áp dụng khoản 1

Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q là vợ chồng.

- Về nuôi con: Bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q có 04 con chung là: Đào Linh V, sinh ngày 20/01/1997, Đào Thị Bích P, sinh ngày 28/01/1999, Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004. Vì Đào Linh V và Đào Thị Bích P đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Q cũng đồng ý với nguyện vọng của bà P. Xét thấy việc bà P và ông Q thỏa thuận với nhau về việc giao 02 con chung là Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004 cho bà P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu T, Q và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà P phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ: các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; các Điều 51, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Đào Mạnh Q. Tuyên bố bà Lê Thị P và ông Đào Mạnh Q không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 con Đào Đình T, sinh ngày 06/02/2006 và Đào Đình Q, sinh ngày 28/8/2004 cho bà Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Ông Đào Mạnh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đào Mạnh Q được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Bà Lê Thị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu do đó Tòa án không xem xét.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I P, tỉnh G L theo biên lai số 0000286 ngày 28 tháng 4 năm 2020. Bà P đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G L;
- VKSND h. I P;
- Chi cục THADS h. I P;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Bùi Viết Minh Quân**